TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EAKAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HNGĐ.
Ngày 24/09/2024.
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Ngọc.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Nguyễn Thế Hằng.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa*: Ông Hồ Quốc Nam.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24/09/2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 237/2024/TLST – HNGĐ, ngày 19/07/2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/HNGĐ – ST, ngày 26/08/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 50/2024/QĐST – HNGĐ ngày 16/09/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Nông Thị H**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: **Ông Hứa Văn S**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn thay đổi nội dung khởi kiện nguyên đơn trình bày:*

Tôi và ông Hứa Văn S có về chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 29/12/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chúng tôi chung sống hạnh phúc mâu thuẫn gia đình phát sinh từ năm 2017, hai vợ chồng tôi luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, đến tháng 6/2017 cho đến nay hai vợ chồng tôi đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống thì không mang lại hạnh phúc cho nhau, nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Hứa Văn S.

Về con chung: Trong thời gian chúng sống vợ chồng chúng tôi có 01 người con chung cháu tên Hứa Văn M, sinh ngày 29/12/2012.

Nay hai vợ chồng ly hôn thì tôi có nguyện vọng được giao con chung cho ông Hứa Văn S nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành và về trợ cấp tiền nuôi dưỡng con chung thì hàng tháng tôi có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phần trình bày của bị đơn ông Hứa Văn S:

Qua phần trình bày của vợ tôi về nguyên nhân mâu thuẫn như trên là đúng. Hai vợ chồng có về chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 29/12/2011.

Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. không tìm được tiếng nói chung. Nên dẫn đến hai vợ chồng chúng tôi sống ly thân từ đầu tháng 7 năm 2017 cho đến nay, trong khoảng thời gian này tôi có gọi điện thoại cho vợ nhưng không được, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Nhưng nay vợ tôi làm đơn ly hôn trên hết tôi vẫn mong, vợ tôi là Nông Thị H trở về cùng nhau tiếp tục nuôi con nên người. Để con được ở với mẹ với bố. Tuy nhiên trong khoảng thời gian này tôi đã suy nghĩ kỹ bản thân thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chúng tôi có 01 người con chung cháu tên Hứa Văn M, sinh ngày 29/12/2012. Tôi nhận nuôi dưỡng và chăm sóc cháu đến tuổi trưởng thành.

Về trợ cấp tiền nuôi dưỡng con chung: Hàng tháng bà H phải có trách nhiệm trợ cấp tiền nuôi dưỡng con chung là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua hòa giải các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 16 tháng 09 năm 2024, Toà án nhân dân huyện Ea Kar tiến hành mở phiên toà xét xử vụ án, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX quyết định hoãn phiên toà.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông S vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu của mình.

HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Phát biểu quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý, đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tống đạt văn bản tố tụng và quyết định của Tòa án cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng

quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng quy định của phát luật.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nông Thị H, cho bà Nông Thị H được ly hôn với ông Hứa Văn S.

Về con chung: Giao con chung là cháu Hứa Văn M, sinh ngày 29/12/2012 cho ông Hứa Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung: Hàng tháng bà Nông Thị H có trách nhiệm trợ cấp tiền phí tổn nuôi dưỡng con chung cho ông Hứa Văn S để nuôi dưỡng cháu Hứa Văn M, sinh ngày 29/12/2012 với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/10/2024 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Nông Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết việc ly hôn với ông Hứa Văn S. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nông Thị H và ông Hứa Văn S đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 29/12/2011 trên cơ sở tự nguyện, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn và bị đơn đều thửa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc mâu thuẫn gia đình phát sinh từ năm 2017, hai vợ chồng tôi luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, nên đến tháng 6/2017 cho đến nay hai vợ chồng tôi đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống thì không mang lại hạnh phúc cho nhau. nên bà H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Hứa Văn S. Tại phiên tòa ông S đồng ý ly hôn, thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thực, hai vợ chồng

đã sống ly thân không còn yêu thương nhau nữa. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự cần chấp nhận. Cho bà Nông Thị H được ly hôn với ông Hứa Văn S là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chúng sống vợ chồng bà H và ông S có 01 con chung cháu tên Hứa Văn M, sinh ngày 29/12/2012. Các đương sự đồng ý giao con chung cho ông Hứa Văn S trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi trưởng thành và cháu M cũng có nguyện vọng được ở với bố. Nên cần giao con chung cho ông S là phù hợp.

Về trợ cấp tiền nuôi dưỡng con chung các đương sự thỏa thuận: Hàng tháng bà Nông Thị H có trách nhiệm trợ cấp tiền phí tổn nuôi dưỡng con chung cho ông Hứa Văn S để nuôi dưỡng cháu Hứa Văn M, sinh ngày 29/12/2012 với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/10/2024 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên HĐXX cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 203, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nông Thị H.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nông Thị H được ly hôn với ông Hứa Văn S.

*** Về con chung:** Giao con chung là cháu Hứa Văn M, sinh ngày 29/12/2012 cho ông Hứa Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung: Hàng tháng bà Nông Thị H có trách nhiệm trợ cấp tiền phí tổn nuôi dưỡng con chung cho ông Hứa Văn S để nuôi dưỡng cháu Hứa Văn M, sinh ngày 29/12/2012 với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/10/2024 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Bà Nông Thị H được quyền đi lại thăm, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Tuy nhiên, bà Nông Thị H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay**: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nông Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2023/0000541 ngày 19/07/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar. Bà Nông Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí trợ cấp tiền nuôi dưỡng con chung.

3. Quyền kháng cáo: Các đương có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện EaKar;
- THADS huyện EaKar;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Ngọc